

Bản án số: 22/2017/HS-ST
Ngày: 23-11-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuyển

Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Yến - Hưu trí phường Đồng Phú, Tp Đồng Hới, Quảng Bình.

Ông Nguyễn Xuân Thạch - Công tác tại Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Bình.

Ông Nguyễn Văn Sinh - Công tác tại Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh Quảng Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên Trung cấp

Ngày 23 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 19/2017/TLST-HS ngày 10/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2017/HSST-QĐ ngày 08/11/2017 đối với bị cáo:

Võ Văn S; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Võ Ngọc S; Sinh ngày 06 tháng 6 năm 1985, tại: huyện C, tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Xóm A, xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An; Trình độ học vấn: 6/12 ; nghề nghiệp: thợ xây dựng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Trần Văn Đ (tên khác: Nguyễn Văn Đ) (đã chết); con bà: Võ Thị M (tên khác: Vũ Thị M), sinh năm 1951; trú tại: Xóm A, xã L, huyện C, tỉnh Nghệ An; vợ: Nguyễn Thị D, sinh năm 1978; trú tại: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; con có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2004; anh chị em ruột có 03 người, S là con thứ hai trong gia đình.

Quá trình bản thân: Sinh ra và lớn lên tại huyện C, tỉnh Nghệ An. Học xong lớp 6/12 thì nghỉ học ở nhà.

Ngày 24/12/2002 bị Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phúc thẩm 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thi hành án tại Trại giam Đồng Sơn, tỉnh Quảng Bình đến ngày 07/9/2004 chấp hành xong hình phạt.

Ngày 24/02/2005 bị Toà án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thi hành án tại Trại giam Đồng Sơn, tỉnh Quảng Bình đến ngày 07/8/2006 chấp hành xong hình phạt.

Ngày 27/6/2007, bị Toà án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xử phạt 72 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 08/8/2007, bị Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với bản án số 62 ngày 27/6/2007 của Toà án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 102 tháng tù, thi hành án tại Trại giam số 3 Tổng cục 8, Bộ công an đến ngày 04/10/2015 chấp hành xong hình phạt.

Ngày 26/6/2017, bị Toà án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chưa thi hành án)

Tiền án: có 03 tiền án

Bản án số 02/2005/HSST ngày 24/02/2005 của Toà án nhân dân huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Bản án số 62/2007/HSST ngày 27/6/2007 của Toà án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xử phạt 72 tháng tù về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Bản án số 71/2007/HSST ngày 08/8/2007 của Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với bản án số 62 ngày 27/6/2007 của Toà án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 102 tháng tù.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình từ ngày 23/3/2017 cho đến nay. Theo lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Văn Đ - Văn phòng Luật sư L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn D; Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình: vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Văn S có quen biết và đồng ý vận chuyển ma túy cho người đàn ông tên D ở huyện L, tỉnh Nghệ An để lấy tiền công. Vì vậy sáng ngày 22/3/2017, D điện thoại cho S hẹn gặp ở ngã ba C, Nghệ An để nhận ma túy. Khoảng 20 giờ cùng ngày, S đến một quán nước ở ngã ba C đợi khoảng 30 phút thì D đến và đưa cho S một túi xách màu đen rồi nói bên trong có chứa 01 bánh heroin, thuê S vận chuyển vào chợ C, thành phố H giao cho một người tên S1, xong việc D sẽ trả tiền công cho Võ Văn S 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), S đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, S mang 01 túi xách màu đen chứa 01 bánh heroin nói trên và đón xe khách đi từ ngã ba C, Nghệ An vào đến ngã ba Sân bay H lúc khoảng 02 giờ sáng ngày 23/3/2017, S xuống xe khách và lên xe taxi của hãng Tiên Sa do anh Nguyễn Văn D ở thôn L, xã N, huyện N, tỉnh Quảng Bình điều khiển và yêu cầu dừng lại trên đường Lê Văn T thuộc địa phận Tổ dân phố C, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, Võ Văn S vừa xuống xe thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang, S liền ném 01 túi xách màu đen chứa 01 bánh heroin đang mang trong người ra góc vườn của nhà ông Nguyễn Phương B cách vị trí S đứng khoảng 02m. Lực lượng chức năng đã tiến hành thu giữ và kiểm tra trong túi xách của Võ Văn S phát hiện 01 gói hình chữ nhật, bên ngoài được bọc nilon màu xanh, kích thước 15,7cm x 10cm x 03cm, Võ Văn S khai nhận là ma túy heroin.

Kết quả giám định của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình tại bản kết luận giám định số 397/GĐ-PC54 ngày 24/3/2017 kết luận: Mẫu gửi giám định là heroin có trọng lượng 347,756gam, nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 20, Danh mục I, Nghị định số 82/2013/N-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ. (BL 08-09; 12; 76-103; 122-126).

Quá trình điều tra, trên cơ sở lời khai của Võ Văn S về mối quan hệ với người đàn ông tên D có nhà ở khu vực bến xe cũ thuộc địa phận thị trấn L, huyện L, tỉnh Nghệ An cùng thi hành án với bị can vào năm 2004 tại Trại giam Đồng Sơn, cải tạo tại Đội 27 làm công việc đan mây tre là người thuê bị can vận chuyển ma túy; trước, trong và sau khi vận chuyển ma túy Võ Văn S liên lạc với D qua số điện thoại 0163.792.4157, đồng thời Võ Văn S cũng đã liên lạc với người đàn ông tên S1 gần chợ C, thành phố H để giao ma túy qua số điện thoại 0165.983.3808. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã tiến hành điều tra, xác minh tại Công an thị trấn Đô Lương, xác minh tại Trại giam Đồng Sơn, tại Tập đoàn Viễn thông quân đội Viettel, tổng công ty viễn thông Mobifone, tăng thư căn cước công dân tại Công an tỉnh Quảng Bình và Công an tỉnh Nghệ An nhưng không xác định được người có thông tin như S khai nên không có cơ sở để xử lý. (BL 108 đến 111; 115; 117-118; 120).

Vật chứng của vụ án:

Thu giữ tại Võ Văn S gồm:

- 01 túi xách bằng da màu đen, nhãn hiệu Baiheda, kích thước 26cm x 24cm;

- 01 gói bằng nilon màu xanh hình chữ nhật, kích thước 15,7cm x 10cm x 03cm chứa 347,756 gam heroin, đã giám định hết 5,119 gam heroin; còn lại 342,637 gam heroin hoàn trả sau giám định;

- 01 túi đựng áo mưa màu xanh, nhãn hiệu Ngọc Linh;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen có số IMEI 35240751289198, số sim 0122 624 1936;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, số IMEI 351546006700684; không xác định được số sim;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu S-818772 màu đen, số IMEI 1: 353764032371696, số IMEI 2: 353764032371704, số sim 0949.382.778

Tại bản cáo trạng số 245/THQCT-KSĐT-MT ngày 06/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Võ Văn S về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự. Về vật chứng đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt Võ Văn S 20 năm tù và tổng hợp hình phạt chưa chấp hành tại Bản án số 38/2017/HSST ngày 26/6/2017 của TAND huyện Yên Thành, Nghệ An. Về vật chứng áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Văn S thừa nhận tội danh, khung hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà VKS đề xuất nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo S 18 năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở đã xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Khoảng 02 giờ 20 phút, ngày 23/3/2017 tại đường Lê Văn T thuộc tổ dân phố C, phường L, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, lực lượng chức năng đã bắt quả tang Võ Văn S cùng với 01 bánh ma túy. Số ma túy bắt được ở Võ Văn S là heroin, có trọng lượng 347,756 gam nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự 20, Danh mục I, Nghị định số 82/2013/N-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ. Bị cáo S khai do có biết nhau và thoả thuận vận chuyển ma túy từ trước với người đàn ông tên D ở huyện L, tỉnh Nghệ An nên ngày 22/3/2017, Võ Văn S đã nhận một túi xách trong đó có một bánh heroin ma túy vận chuyển thuê vào thành phố H để nhận số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Lời khai này của bị cáo S chưa được kiểm chứng bởi lẽ lời khai của S về một người đàn ông tên là D thuê S vận chuyển ma túy không đầy đủ nên quá trình điều tra chưa

truy tìm được người này. Tuy nhiên với lời khai của S cùng Biên bản phạm tội quả tang và Kết luận giám định, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Bản cáo trạng số 245/THQCT-KSĐT-MT ngày 06/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Võ Văn S về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

Trong hồ sơ vụ án có các bản án, các tài liệu cho thấy có sự không thống nhất về tên của bố bị cáo là Trần Văn Đ hoặc Nguyễn Văn Đ nhưng quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo vẫn thừa nhận chính mình là người có các hành vi “Trộm cắp tài sản”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tại các bản án của Toà án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, của Toà án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An trước đây như quá trình kiểm tra lý lịch bị cáo, việc bố bị cáo có các tài liệu không thống nhất là do tự kê khai vì bố bị cáo không ở với bị cáo từ nhỏ, mẹ bị cáo S cũng thừa nhận điều này, kết quả tra tày thư căn cước cũng khẳng định được Võ Văn S trong các bản án trước với Võ Văn S trong vụ án này là một người.

Các hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép ma túy là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước, đưa một lượng ma túy lớn nhằm tiêu thụ mà nghiện ma túy là nguồn gốc, nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác, gây mất trật tự an xã hội. Bản thân bị cáo vì háms lợi, bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh mới đảm bảo tính trừng trị, giáo dục, răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Võ Văn S là đối tượng có thân nhân xấu, có 03 tiền án, trong quá khứ đã nhiều lần vi phạm pháp luật, được xử lý bằng các hình thức nghiêm khắc. Hết án ra trại ngày 04/10/2015, không lấy đó là bài học cho bản thân để rèn luyện tu chí làm ăn nuôi sống bản thân và gia đình mà tiếp tục có lối sống buông thả, lao vào con đường phạm tội. Bị cáo có tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử cũng chấp nhận lời bào chữa của Luật sư để xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, con nhỏ, có mẹ là bà Vũ Thị M được Nhà nước tặng Huân chương chiến công giải phóng hạng ba vì đã lập chiến công suất sắc trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống Mỹ cứu nước. Do đó có căn cứ áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Vụ án còn có các đối tượng khác liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo là người đàn ông tên D có nhà ở khu vực bến xe cũ thuộc địa phận thị trấn L, huyện L, tỉnh Nghệ An cùng thi hành án với bị can vào năm 2004 tại Trại giam Đồng Sơn, cải tạo tại Đội 27 làm công việc đan mây tre là người thuê bị can vận chuyển ma túy; trước, trong và sau khi vận chuyển ma túy Võ Văn S liên lạc với D qua số điện thoại 0163.792.4157, đồng thời Võ Văn S cũng đã

liên lạc với người đàn ông tên S1 gần chợ C, thành phố H để giao ma túy qua số điện thoại 0165.983.3808. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã tiến hành điều tra, xác minh tại Công an thị trấn Đô Lương, Trại giam Đồng Sơn, Tập đoàn Viễn thông quân đội Viettel, tổng công ty viễn thông Mobifone, tàng thư căn cước công dân tại Công an tỉnh Quảng Bình và Công an tỉnh Nghệ An nhưng không xác định được người có thông tin như S khai nên không có cơ sở để xử lý. S chưa nhận được tiền công thì đã bị bắt, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

* Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ: Một phong bì số 397/GĐ-PC54 đã niêm phong, bên trong có chứa 342,637 gam heroin hoàn trả sau giám định và vỏ bao gói; 01 túi xách bằng da màu đen, nhãn hiệu Baiheda, kích thước 26cmx24cm. 01 túi đựng áo mưa màu xanh nhãn hiệu Ngọc Linh.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen có số IMEI 35240751289198, số sim 0122 624 1936 là điện thoại dùng để liên lạc việc thực hiện tội phạm.

- Trả lại cho bị can Võ Văn S: 02 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, số IMEI 351546006700684; không xác định được số sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu S-818772 màu đen, số IMEI 1: 353764032371696, số IMEI 2: 353764032371704, số sim 0949.382.778 vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Toàn bộ số tang vật trên hiện có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/10/2017.

Về án phí: Buộc bị cáo Võ Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ xét trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Võ Văn S phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm b khoản 4 Điều 194; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Võ Văn S 20 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 23/3/2017.

Áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự buộc bị cáo Võ Văn S phải chấp hành hình phạt 02 năm 06 tháng tù chưa thi hành án của bản án số 38/2017/HSST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An (được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 06/3/2017 đến ngày 12/3/2017). Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 22 năm 6 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 23/3/2017.

Tiếp tục tạm giam Võ Văn S thời hạn 45 ngày theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ: Một phong bì số 397/GĐ-PC54 đã niêm phong, bên trong có chứa 342,637 gam heroin hoàn trả sau giám định và vỏ bao gói; 01 túi xách bằng da màu đen, nhãn hiệu Baiheda, kích thước 26cmx24cm; 01 túi đựng áo mưa màu xanh nhãn hiệu Ngọc Linh.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen có số IMEI 35240751289198, số sim 0122 624 1936.

- Trả lại cho bị can Võ Văn S: 02 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh đen, số IMEI 351546006700684; không xác định được số sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu S-818772 màu đen, số IMEI 1: 353764032371696, số IMEI 2: 353764032371704, số sim 0949.382.778 vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Số vật chứng trên hiện có tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/10/2017

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Võ Văn S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Theo Điều 229 BLTTHS;
- PV 27 CA tỉnh QB;
- Sở tư pháp tỉnh QB;
- Lưu: HS, AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Tuyến